

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THĂNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /ĐA-UBND

Thăng Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2024

ĐỀ ÁN
PHÂN LOẠI, GIẢM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN THĂNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2020 – 2025
(Những nội dung điều chỉnh)

I. Lý do điều chỉnh Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2020 – 2025:

UBND huyện Thăng Bình đã xây dựng Đề án số 532/ĐA-UBND ngày 29/5/2020 về việc phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2020 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn*) và đã được HĐND huyện Thăng Bình thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020.

- Ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành; ngày 30/9/2022, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 2625/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025. Do đó, cần điều chỉnh một số nội dung trong Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn của huyện để đảm bảo đúng quy định hiện hành về phân loại chất thải rắn sinh hoạt và phù hợp với kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt của tỉnh; tiếp tục triển khai việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022.

- Ngày 28/9/2020, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 1029/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020 của HĐND huyện về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình, giai đoạn 2020 – 2025, theo đó, năm 2021, UBND huyện đã tổ chức triển khai thực hiện thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn tại các địa phương: xã Bình Minh, xã Bình Chánh, xã Bình Phú và thị trấn Hà Lam; năm 2022 bắt đầu triển khai nhân rộng tại các xã.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn tại các địa phương gặp nhiều khó khăn:

+ Giai đoạn từ cuối năm 2020 đến giữa năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, có giai đoạn thực hiện các quy định về cách ly nghiêm ngặt, dẫn đến việc tổ chức các lớp tập huấn tập trung hướng dẫn người dân thực hiện phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn gặp nhiều khó khăn, quá trình tổ chức bị gián đoạn, số lượng người dân tham dự còn thấp;

+ Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn, sau khi tổ chức lấy ý kiến của người dân, các địa phương thí điểm đã đề xuất điều chỉnh phương án trang bị thùng rác so với phương án đã được

HĐND huyện thông qua, do đó, phải rà soát, báo cáo HĐND huyện và chờ chủ trương thống nhất cho phép điều chỉnh của HĐND huyện;

+ Công tác mua sắm thùng rác có nguồn kinh phí lớn, theo quy định phải thực hiện các thủ tục đấu thầu, thời gian chọn đơn vị cung cấp kéo dài.

Từ những khó khăn nêu trên dẫn đến tiến độ thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn của các địa phương thí điểm chậm hơn so với kế hoạch, kéo theo tiến độ triển khai thực hiện nhân rộng Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn không đảm bảo theo kế hoạch, chưa đạt được mục tiêu đề ra.

Do đó, cần điều chỉnh lộ trình thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Tháng 12/2023, UBND huyện đã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn tại các xã: Bình Minh, Bình Chánh, Bình Phú và thị trấn Hà Lam, xác định được những hạn chế của Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn. Qua đó, một số nội dung Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn cần được điều chỉnh để phù hợp hơn trong quá trình thực hiện, cụ thể:

+ Qua khảo sát ý kiến của các địa phương, việc hỗ trợ 500 thùng rác/xã sẽ gây khó khăn cho địa phương trong việc lựa chọn đối tượng được hỗ trợ thùng rác. Bên cạnh đó, hiện nay, hầu hết các hộ gia đình đều chủ động tự trang bị thùng, giỏ, bao bì đựng rác phù hợp; việc hỗ trợ hồ rác sẽ mang lại hiệu quả cao hơn vì thực tế hiện nay người dân chưa nhận thức cao, chưa chủ động trong việc xây dựng hồ rác gia đình. Do đó, điều chỉnh dự toán nguồn kinh phí hỗ trợ trang thiết bị thực hiện phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn theo hướng không hỗ trợ kinh phí mua, cấp thùng đựng rác cho các hộ gia đình, điều chỉnh nội dung hỗ trợ xây dựng hồ rác gia đình theo hướng hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện tại mỗi địa phương.

+ Hiện nay, xe thu gom chất thải rắn sinh hoạt của các địa phương đã được trang bị theo Đề án quản lý chất thải rắn. Tỉnh Quảng Nam chưa có quy định về phương tiện thu gom, vận chuyển chuyên dụng đối với từng loại chất thải sau phân loại nên các địa phương chưa thực hiện việc sắm mới, cải tiến xe thu gom để phục vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại. Do đó, điều chỉnh không hỗ trợ kinh phí sắm mới, cải tiến xe thu gom rác thải trong các kiệt, ngõ hẻm (*Sau khi UBND tỉnh có quy định về phương tiện thu gom, vận chuyển chuyên dụng đối với từng loại chất thải sau phân loại, UBND huyện bổ sung, điều chỉnh nội dung hỗ trợ sắm mới, cải tiến xe thu gom chất thải rắn sinh hoạt để phù hợp với tình hình thực tế*).

+ Qua đánh giá kết quả thực hiện tại các địa phương thí điểm, công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế, chưa kịp thời thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn; Tổ thu gom của các địa phương không thực hiện việc phân loại lại, chỉ thực hiện thu gom; Tổ thu gom của các địa phương đã được hưởng lương từ nguồn kinh phí của Đề án quản lý chất thải rắn; do đó, điều chỉnh mức hỗ trợ cho Tổ kiểm tra, giám sát; không hỗ trợ đối với Tổ thu gom của các địa phương.

- Trên cơ sở nội dung phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tại Báo cáo số 392/BC-MTTQ-BTT ngày 26/4/2024, hiện nay các thôn, khu phố, điểm dân cư đã được trang bị loa tuyên truyền, do đó, điều chỉnh không hỗ trợ kinh phí trang bị loa tuyên truyền cho các thôn, khu phố.

II. Nội dung điều chỉnh Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2020 – 2025:

1. Điều chỉnh, bổ sung cơ sở pháp lý để điều chỉnh nội dung Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn (tại mục II, Phần A):

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt;
- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy về quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
- Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Đề án quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025;
- Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành Quy định về công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Điều chỉnh nội dung chương trình phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện (tại Mục 3.1, Chương 3)

3.1.1. Xác định nhóm phân loại chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại như sau:

- **Chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác:** là chất thải có chứa các hợp chất hữu cơ, có khả năng dễ phân hủy sinh học như: thức ăn thừa; thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, các phần thải bỏ từ việc sơ chế, chế biến; bã các loại: cà phê, trà, bã mía, xác mía, cùi bắp; lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa...

Chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ, chất cải tạo đất.

- **Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế:** là những loại chất thải đã qua sử dụng nhưng vẫn còn có khả năng tái sử dụng, tái chế được để tạo thành các đồ vật khác, có ích cho cuộc sống của con người như: giấy, nhựa, kim loại, gỗ, cao su, thủy tinh...

Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được tận dụng để tái sử dụng, tái chế thành các sản phẩm có ích.

- **Chất thải rắn sinh hoạt khác:** bao gồm tất cả các loại không nêu ở 02 nhóm chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế.

3.1.2. Phương pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại:

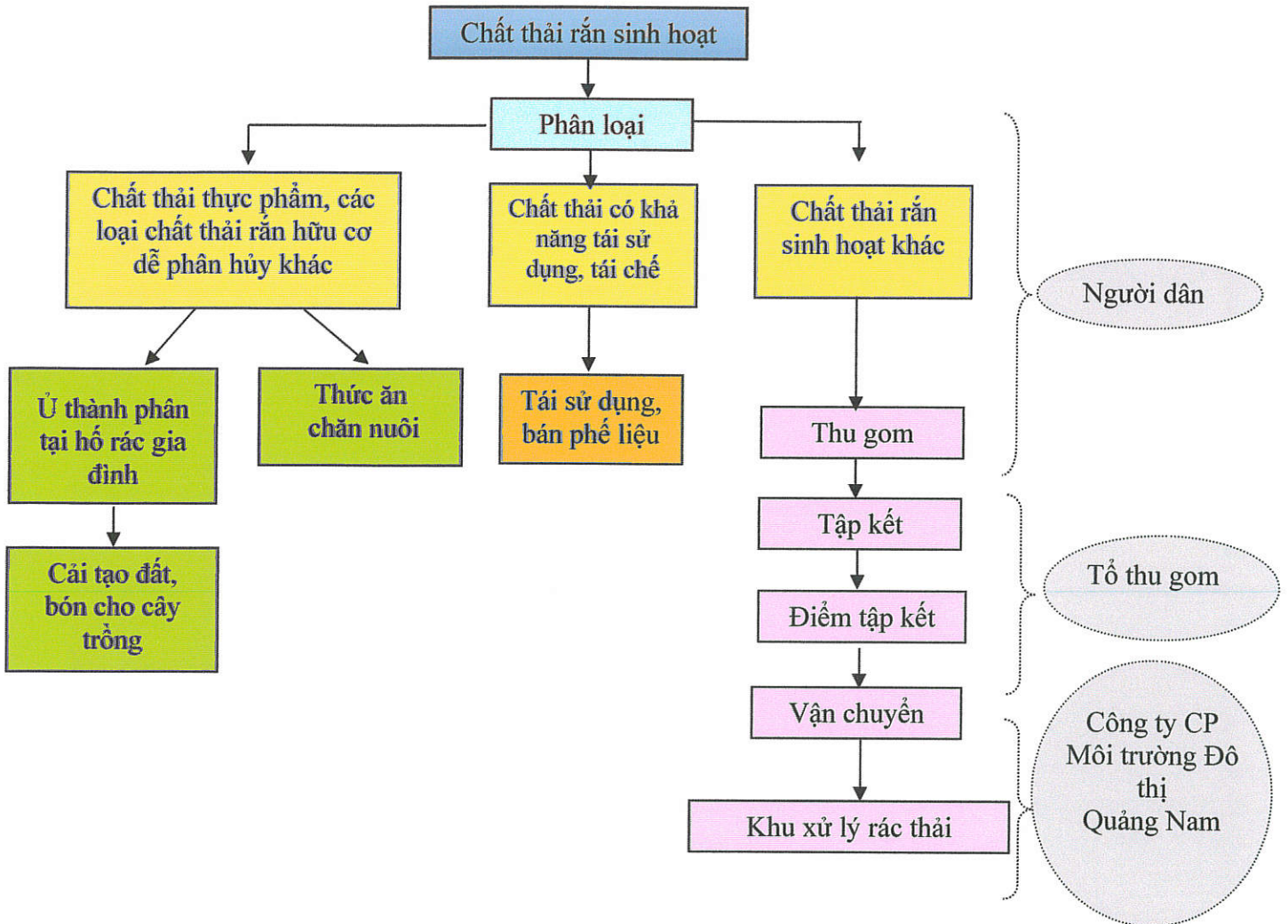
a. Đối với nhóm hộ gia đình có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ:

Đối với các hộ gia đình có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ (có thể xây dựng hố rác gia đình, có chăn nuôi) thì được hướng dẫn phân loại thành 03 loại:

- (1) Chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác;
- (2) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

Hộ gia đình trang bị thùng đựng rác 02 ngăn hoặc 02 thùng (giỏ) rác riêng biệt có màu sắc khác nhau (hoặc các loại bao bì, thiết bị phù hợp): màu xanh đựng chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác (*chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác có thể tận dụng làm thức ăn chăn nuôi thì không bỏ vào thùng rác*) và màu còn lại (trừ màu xanh) đựng chất thải rắn sinh hoạt khác. Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, hộ gia đình trang bị bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp.

Quá trình phân loại, thu gom và phương thức xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại áp dụng đối với nhóm hộ gia đình có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ cụ thể như sau:



* Đối với chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác:

Chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ, chất cải tạo đất.

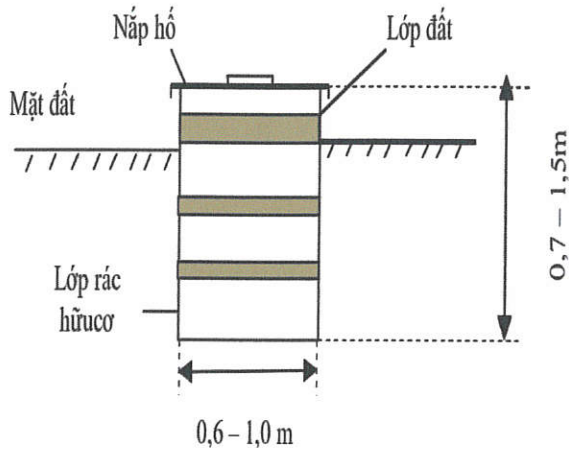
Phương pháp làm phân bón hữu cơ, chất cải tạo đất tại gia đình được thực hiện bằng hố rác di động. Hố rác di động là hố nhỏ được đào để hằng ngày người dân đổ phân chất thải hữu cơ xuống, dùng nắp đậy che kín mặt hố, sau một thời gian rác sẽ oai mục thành phân dùng để bón cho cây trồng hoặc cải tạo đất rất tốt.

Hố rác di động là một trong những mô hình xử lý rác thải hữu cơ đơn giản và hiệu quả. Đây là mô hình dễ ứng dụng, linh hoạt. Được gọi là hố rác di động vì hố này thể tích nhỏ (cỡ vài trăm lít đến khoảng 01 m³), khi hố đầy có thể chuyển sang hố khác sử dụng và hố được chính người dân xây dựng và duy trì hoạt động.

+ Vị trí đặt hố: Khu đất trong vườn, không quá ẩm ướt, cách xa nơi ở trên 3m.

+ Kích thước: Hố được đào có chiều sâu: 0,7 – 1,5 m, đường kính 0,6-01 m

+ **Nắp**: Kích thước và hình dáng phụ thuộc vào miệng hố, chất liệu thường bằng kim loại hoặc gỗ (tùy điều kiện từng hộ gia đình có thể chọn cách vật liệu khác nhau nhưng cần đảm bảo tính an toàn, kín để tránh cho vật thể lạ lọt vào cũng như mùi từ trong hố thoát ra).



Sơ đồ hố chôn rác di động



Hố rác di động hộ gia đình

Cách thực hiện: chất thải rắn hữu cơ hàng ngày được đổ vào hố, sau đó rắc một lượt mỏng chế phẩm sinh học (có tác dụng kích hoạt phân hủy nhanh các chất hữu cơ, không gây mùi hôi, sản phẩm sau ủ tối xốp, mịn). Bỏ đất hoặc tro/trấu rải lên trên một lớp mỏng khoảng 2 – 5 cm và đập nắp để tránh ruồi, muỗi, chuột,...nước mưa. Khi rác đầy hố, tiến hành lấp đất và tiếp tục đào hố khác để đựng rác.

Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện; giải quyết tại chỗ chất thải rắn hữu cơ của các hộ gia đình; mùn tạo ra từ chất thải rắn hữu cơ có thể sử dụng cho việc cải tạo đất, bón phân trồng cây trong vườn.

Một số lưu ý: Tránh nước xâm nhập vào trong hố rác (nước mưa,...); tránh đào hố gần mạch nước ngầm; chỉ cần hố đủ rộng và không quá sâu; tuy lượng khí sinh ra trong quá trình ủ rác là không nhiều nhưng khi mở nắp hố, cần tránh đứng trực diện với miệng hố và nên đeo khẩu trang; có thể có hoặc không cần sử dụng chế phẩm sinh học.

** Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế:*

Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng được tái sử dụng.

Chất thải rắn có khả năng tái chế được đựng trong các bao bì phù hợp để bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác*

Chất thải rắn sinh hoạt khác được người dân thu gom, tập kết đúng nơi quy định để Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom trực tiếp hoặc Tổ thu gom rác thải của địa phương thu gom về điểm tập kết, hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam vận chuyển, xử lý theo quy định.

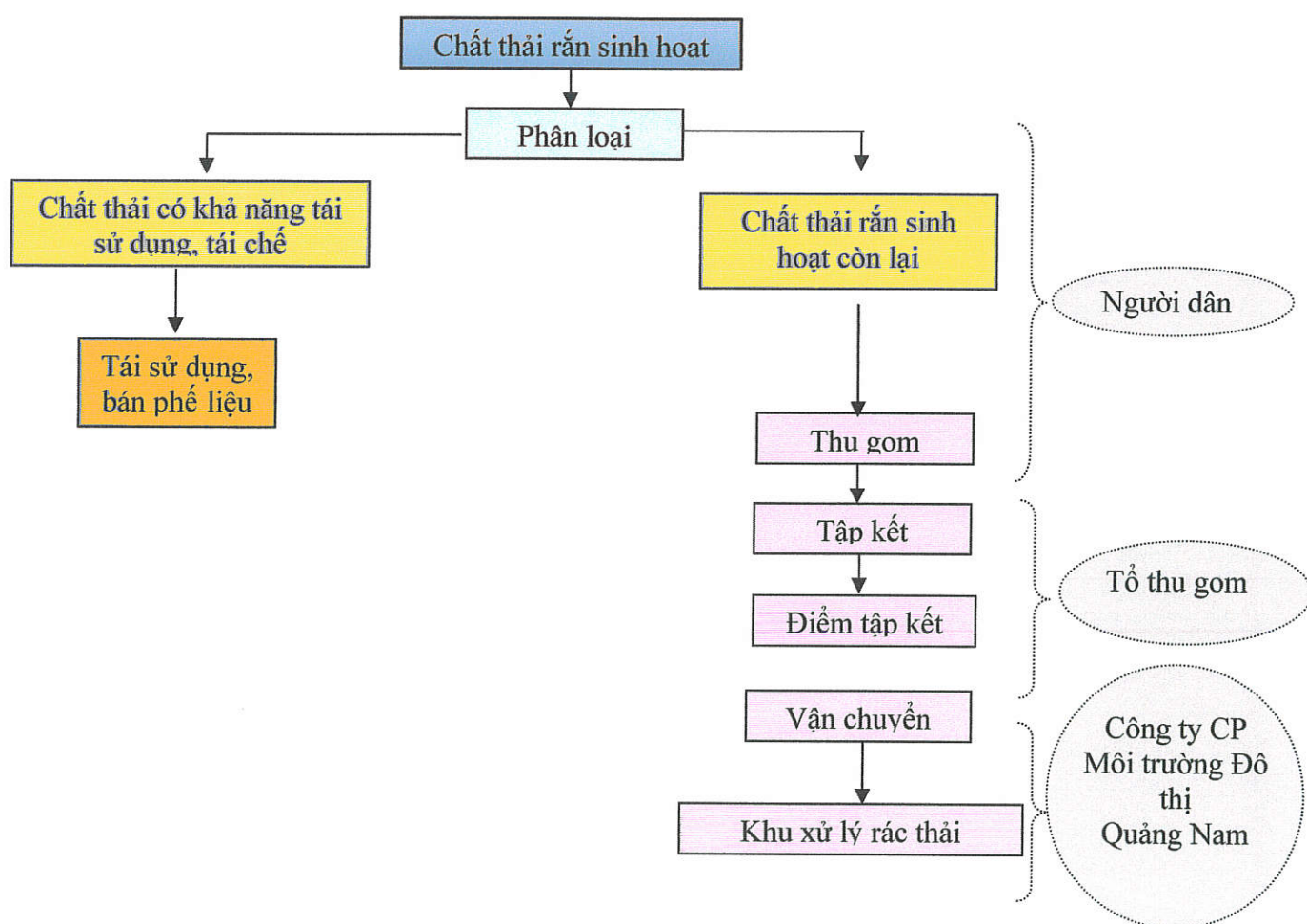
b. Đối với nhóm hộ gia đình không có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ:

Đối với các hộ gia đình không có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ (không có chôn nuôi, không đủ điều kiện để thực hiện hố rác gia đình) thì chất thải rắn sinh hoạt được hướng dẫn phân thành 02 loại:

- (1) Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- (2) Chất thải rắn sinh hoạt còn lại (gồm: chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn sinh hoạt khác).

Hộ gia đình trang bị 01 thùng rác để đựng chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn sinh hoạt khác. Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, hộ gia đình trang bị bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp.

Quá trình phân loại, thu gom và phương thức xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại áp dụng đối với nhóm hộ gia đình không có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ cụ thể như sau:



* Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế:
Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng được tái sử dụng.

Chất thải rắn có khả năng tái chế được đựng trong các bao bì phù hợp để bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt còn lại:*

Chất thải rắn sinh hoạt còn lại được người dân thu gom, tập kết đúng nơi quy định để Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom trực tiếp hoặc Tổ thu gom rác thải của địa phương thu gom về điểm tập kết, hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam vận chuyển, xử lý theo quy định.

4. Điều chỉnh giải pháp về trang thiết bị thực hiện phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn (tại Mục 3.2.3):

- Giữ nguyên nội dung giải pháp về trang thiết bị thực hiện phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn đối với các địa phương thực hiện thí điểm.

- Đối với các xã còn lại:

+ Không hỗ trợ kinh phí mua, cấp thùng đựng rác cho các hộ gia đình.

+ Hỗ trợ kinh phí xây dựng hố rác gia đình: 200.000 đồng/hố rác, số lượng hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của các địa phương (*tối đa không quá 900 hố rác/xã*). UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm rà soát, lựa chọn đối tượng hỗ trợ phù hợp theo tình hình thực tế tại địa phương.

+ Không hỗ trợ kinh phí sắm mới, cải tiến xe thu gom rác thải trong các kiệt, ngõ hẻm.

+ Không hỗ trợ mua loa tuyên truyền cho từng thôn.

5. Điều chỉnh về giải pháp kiểm tra, giám sát thực hiện phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn (tại Mục 3.2.4):

- Chi phí hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát với mức 1.000.000 đồng/tháng/thôn (Huyện hỗ trợ 70%, xã đối ứng 30%); thời gian hỗ trợ trong 01 năm đầu tiên triển khai Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn.

- Không hỗ trợ đối với Tổ thu gom rác thải của địa phương.

6. Điều chỉnh lộ trình thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn (tại Mục 5.1):

- **Giai đoạn 2021 – 2023:** triển khai thực hiện thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải hộ gia đình tại 04 xã/thị trấn (20 thôn/khu phố) gồm: xã Bình Minh, xã Bình Chánh, xã Bình Phú và thị trấn Hà Lam và tổ chức đánh giá hiệu quả triển khai thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn.

- **Giai đoạn 2024 - 2025:** hoàn thành triển khai Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên toàn địa bàn huyện, cụ thể:

+ Năm 2024: triển khai thực hiện tại 09 xã gồm các xã: Bình Nam, Bình Giang, Bình Đào, Bình Sa, Bình Dương, Bình Trung, Bình Phục, Bình Tú, Bình Triều.

+ Năm 2025: triển khai thực hiện tại 09 xã còn lại gồm các xã: Bình Quý, Bình Định Bắc, Bình An, Bình Hải, Bình Quế, Bình Lãnh, Bình Định Nam, Bình Nguyên, Bình Trị.

7. Điều chỉnh về kinh phí thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn (tại Mục 5.2):

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn được thể hiện chi tiết tại các Bảng sau:

- Bảng 01. Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn giai đoạn 2020 – 2023 (đã thực hiện);

- Bảng 02A. Kinh phí thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn giai đoạn 2020 – 2025 (điều chỉnh Bảng 5.2);

- Bảng 02B. Kinh phí thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn giai đoạn 2020 – 2025;

- Bảng 03A. Kinh phí phân bổ cho các cơ quan, địa phương thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn giai đoạn 2020 – 2025 (điều chỉnh Bảng 5.3);

- Bảng 03B. Dự toán mức kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn giai đoạn 2024 – 2025.

III. Các nội dung của Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn chưa phù hợp với Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 nhưng không điều chỉnh:

*** Về mục tiêu đến năm 2025:**

- Mục tiêu của Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn của huyện Thăng Bình trong giai đoạn 2023 – 2025 đã đưa ra: *“Triển khai Đề án trên toàn huyện, phấn đấu đến cuối năm 2025, 100% hộ dân và các tổ chức trên địa bàn huyện được trang bị nâng cao kiến thức và kỹ năng về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn; 70% hộ dân và các tổ chức trên toàn huyện đăng ký và thực hiện phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn.”*

- Mục tiêu tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025:

“Phấn đấu đến năm 2025:

- Hoàn thành cơ bản việc triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

- 100% hộ dân và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được trang bị kiến thức về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

- Đến năm 2025, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn ở các phường, thị trấn đạt 75%, ở các xã đạt 30%, cụ thể:

<i>Số xã, thị trấn thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn</i>	<i>Tỷ lệ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (% hộ gia đình)</i>	<i>Yêu cầu</i>
<i>Thị trấn Hà Lam</i>	80%	<i>Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn với hình thức (A)</i>
	20%	<i>Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn với hình thức (B)</i>
<i>21 xã</i>	30%	<i>Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn với hình thức (A)</i>
	70%	<i>Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn với hình thức (B)</i>

*** Ghi chú:**

- *Hình thức (A): Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được thu gom, vận chuyển theo 02 loại riêng biệt gồm chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng thì chủ nguồn thải tự thu gom để bán phế liệu).*

- *Hình thức (B): Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được chủ nguồn thải tự xử lý bằng hình thức: chất thải thực phẩm làm phân hữu cơ tại hố rác gia đình hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, phần còn lại không tận dụng được của chất thải thực phẩm được thu gom, vận chuyển đi cùng với chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng thì chủ nguồn thải tự thu gom để bán phế liệu)."*

*** Về phương thức phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt đối với nhóm hộ gia đình không có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ:**

- Theo nội dung **Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn của huyện Thăng Bình:** Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình không có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ được hướng dẫn phân loại thành 02 loại: chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải rắn sinh hoạt còn lại (gồm: chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn sinh hoạt khác). Hộ gia đình trang bị 01 thùng rác để đựng chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn sinh hoạt khác (hộ gia đình trang bị bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế phù hợp).

- Theo Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025: hộ gia đình không có chăn nuôi, không đủ điều

kiện để thực hiện hồ rác gia đình (không tự xử lý đối với chất thải thực phẩm, hữu cơ dễ phân hủy) thì chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được phân loại, đựng trong các phương tiện, bao bì riêng biệt và được thu gom, vận chuyển, xử lý riêng (chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng thì chủ nguồn thải tự thu gom để bán phế liệu).

*** Lý do không điều chỉnh:** Hiện nay, tỉnh Quảng Nam chưa có quy định về phương tiện thu gom, vận chuyển chuyên dụng đối với từng loại chất thải sau phân loại, do đó, chất thải thực phẩm, hữu cơ dễ phân hủy và chất thải rắn sinh hoạt khác nếu được phân loại, chứa trong các phương tiện riêng biệt nhưng không thể thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý riêng sẽ không mang lại hiệu quả, không có ý nghĩa thực hiện. Trước mắt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thăng Bình tiếp tục được thực hiện phù hợp với hiện trạng phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt của huyện; chủ yếu chú trọng vào hiệu quả giảm thiểu lượng chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác thông qua công tác phân loại, tận dụng làm phân bón bằng hồ rác gia đình và tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Khi UBND tỉnh có quy định về phương tiện thu gom, vận chuyển chuyên dụng đối với từng loại chất thải sau phân loại, UBND huyện tiếp tục điều chỉnh Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn để đảm bảo chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác (chất thải hữu cơ) được thu gom, xử lý riêng với chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải vô cơ) sau khi phân loại và đảm bảo phù hợp với mục tiêu đề ra của UBND tỉnh./.

Nơi nhận: *th*

- TT Huyện uỷ;
- HĐND huyện;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Ban Kinh tế - Xã hội, HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thị Nhi
Phan Thị Nhi

BẢNG 01. TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI, GIÁM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2020 - 2023 (ĐÃ THỰC HIỆN)

ĐVT: triệu đồng

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí đã thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Năm 2020				Giai đoạn 2021- 2023			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	TỔNG KINH PHÍ	I+II	2.321,10			10,0	10,0	10,0	-	2.311,1	2.311,1	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		383,82			10,00	10,00	10,00	-	373,82	373,82	-	-
		Tập huấn cho lực lượng nòng cốt của huyện và 22 xã, thị trấn	35,00	Lớp	10	10,0	10,0	10,0	-	25,0	25,0	0	0
	PHÒNG TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG		99,70	Quyển	0,03					99,7	99,7	0	0
		Thiết kế, in, cấp phát tờ rơi hướng dẫn phân loại, giám thiểu rác thải tại nguồn cho cán bộ tuyên truyền tại 22 xã, thị trấn	45,00	Tờ	0,0045					45,0	45,0	0	0
		Thiết kế, in, cấp phát tờ rơi phân loại, giám thiểu rác thải cho hộ gia đình	81,12	Thùng						81,12	81,12	0	0
		Bố trí thùng rác tại cơ quan trên toàn huyện	260,82			10,00	10,00	10,00	-	250,82	250,82	-	-
		TỔNG 1:											
		Thiết kế, in, cấp phát tờ rơi hướng dẫn phân loại, giám thiểu RT tại nguồn cho trường học	-	Tờ	0,0045								
		Bố trí thùng rác tại các trường học	60,00	Thùng						60,0	60,0	0	0
		TỔNG 2:	60,00			-	-	-	-	60,0	60,0	-	-
		Truyền thông, vận động hội viên đăng ký và tham gia Đề án	28,00	Đợt	7					28,0	28,0	0	0
		TỔNG 3:	28,00			-	-	-	-	28,0	28,0	-	-
		Ngoại khóa cho học sinh (30 trường) tiểu học về phân loại, giám thiểu rác thải tại nguồn	35,00	Buổi	5					35,0	35,0	0	0
		TỔNG 4:	35,00			-	-	-	-	35,0	35,0	-	-
	4 HUYỆN ĐOÀN												

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí đã thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Năm 2020				Giai đoạn 2021- 2023						
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
II CÁC ĐỊA PHƯƠNG THÍ ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021-2023													1.937,28	1.937,28	-	-
1	UBND xã Bình Minh	Trang bị loa tuyên truyền cho thôn	18,00	Cái	6				3	18,00	18,00	0	0			
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	15,00	Lớp					56	15,00	15,00	0	0			
		Thùng đựng rác hộ gia đình	202,03	Thùng					2075	202,03	202,03	0	0			
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	115,00	Cái	0,2				575	115,00	115,00	0	0			
		Hỗ trợ xã sắm mới/nâng cấp xe thu gom	50,00	Chiếc					3	50,00	50,00	0	0			
		Bố trí thùng rác tại các chợ	6,00	Thùng	6				1	6,00	6,00	0	0			
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	37,80	Người/năm	6				9	37,80	37,80	0	0			
		Hỗ trợ Tổ thu gom địa phương trực tiếp thực hiện việc phân loại rác lại	16,80	Người/năm	12				2	16,80	16,80	0	0			
		TỔNG 1:			460,63						460,63	460,63	-	-		
		2	UBND xã Bình Chánh	Trang bị loa tuyên truyền cho thôn	24,00	Cái	6				4	24,00	24,00	0	0	
Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	16,10			Lớp						16,10	16,10	0	0			
Thùng đựng rác hộ gia đình	64,00			Thùng	0,2				320	64,00	64,00	0	0			
Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	50,60			Cái	0,2				253	50,60	50,60	0	0			
Hỗ trợ xã sắm mới/nâng cấp xe thu gom	50,00			Chiếc					4	50,00	50,00	0	0			
Bố trí thùng rác tại các chợ	-			Thùng	0				0	-	-	0	0			
Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	50,40			Người/năm	6				12	50,40	50,40	0	0			
Hỗ trợ Tổ thu gom địa phương trực tiếp thực hiện việc phân loại rác lại	100,80			Người/năm	12				12	100,80	100,80	0	0			
TỔNG 2:				355,90						355,90	355,90	-	-			

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí đã thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Năm 2020				Giai đoạn 2021- 2023			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
3	UBND xã Bình Phú	Trang bị loa tuyên truyền cho các khu phố	24,00	cái	6					4	24,00	24,00	0
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các khu phố	20,00	lớp							20,00	20,00	0
		Thùng đựng rác hộ gia đình	197,05	thùng						986	197,05	197,05	0
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	5,80	cái	0,2					29	5,80	5,80	0
		Hỗ trợ xã sắm mới/nâng cấp xe thu gom	22,84	chiếc						2	22,84	22,84	0
		Bố trí thùng rác tại các chợ	12,00	thùng	6					2	12,00	12,00	0
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	50,40	Người/năm	6					12	50,40	50,40	0
		Hỗ trợ Tổ thu gom địa phương trực tiếp thực hiện việc phân loại rác lại	50,40	Người/năm	12					12	50,40	50,40	0
		TỔNG 3:	382,49								382,49	382,49	-
		4	Thị trấn Hà Lam	Trang bị loa tuyên truyền cho các khu phố	54,00	Cái	6					9	54,00
Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các khu phố	30,60			Lớp						18	30,60	30,60	0
Thùng đựng rác hộ gia đình	517,02			Thùng						4.236	517,02	517,02	0
Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	46,80			Cái	0,2					234	46,80	46,80	0
Hỗ trợ xã sắm mới/nâng cấp xe thu gom	35,00			Chiếc						5	35,00	35,00	0
Bố trí thùng rác tại các chợ	7,60			Thùng						2	7,60	7,60	0
Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	47,25			Người/năm						27	47,25	47,25	0
Hỗ trợ Tổ thu gom địa phương trực tiếp thực hiện việc phân loại rác lại	-			Người/năm						0	-	-	0
TỔNG 4:	738,27								738,27	738,27	-		

**BẢNG 01A. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI,
GIÁM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hoạt động	Tổng kinh phí 2020 - 2025			Năm 2020 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2021 - 2023 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2024 - 2025		
		Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CỘNG:	8.233,10	7.923,50	309,60	10,00	10,00	-	2.311,10	2.311,10	-	5.912,00	5.602,40	309,60
I	Truyền thông	1.460,40	1.460,40	-	10,00	10,00	-	314,40	314,40	-	1.136,00	1.136,00	-
II	Trang thiết bị, phương tiện	5.386,85	5.386,85	-	-	-	-	1.642,85	1.642,85	-	3.744,00	3.744,00	-
III	Kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án	1.385,85	1.076,25	309,60	-	-	-	353,85	353,85	-	1.032,00	722,40	309,60

BẢNG 01B. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI, GIÁM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2020 -2025

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	Tổng Kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/lốp, buổi, quyển...)	Năm 2020 (Đã thực hiện)				Giai đoạn 2021- 2023 (Đã thực hiện)				Giai đoạn 2024-2025				
					Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	8.233,1				10,0	10,0	10,0	-	2.311,1	2.311,1	2.311,1	-	5.912,0	5.602,4	5.602,4	309,6
I	TRUYỀN THÔNG	1.460,4				10,0	10,0	10,0	-	314,4	314,4	314,4	-	1.136,0	1.136,0	1.136,0	-
1	Tập huấn cho lực lượng nông cốt của huyện và 22 xã, thị trấn	215,0	lốp	10		1	10,0	10,0	-	25,0	25,0	25,0	-	180,0	180,0	180,0	-
2	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiểu rác thải cho hộ dân, 106 thôn, khối phố	511,7	lốp	5						81,7	81,7	81,7	-	430,0	430,0	430,0	-
3	Ngoại khóa cho học sinh (30 trường) tiểu học về phân loại, giám thiểu rác thải tại nguồn	165,0	buổi	5						35,0	35,0	35,0	-	130,0	130,0	130,0	-
4	Truyền thông, vận động hội viên PN đăng ký tham gia và thực hiện Đề án	154,0	đợt	7						28,0	28,0	28,0	-	126,0	126,0	126,0	-
5	Sổ tay hướng dẫn phân loại, giám thiểu rác thải tại nguồn cho cán bộ tuyên truyền tại 22 xã, thị trấn	99,7	quyển	0,03						99,7	99,7	99,7	-				
6	Tờ rơi phân loại, giám thiểu rác thải tại nguồn hộ gia đình	234,0	tờ	0,0045						45,0	45,0	45,0	-	189,0	189,0	189,0	-
7	Tờ rơi hướng dẫn phân loại, giám thiểu RT tại nguồn cho trường học	81,0	tờ	0,0045									-	81,0	81,0	81,0	-

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	Tổng Kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/lốp, buổi, quyển...)	Năm 2020 (Đã thực hiện)				Giai đoạn 2021- 2023 (Đã thực hiện)				Giai đoạn 2024-2025					
					Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
II	TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN	5.386,9																
7	Trang bị loa tuyên truyền cho thôn	120,0	cái	6						1.642,9	1.642,9	-	-	3.744,0	3.744,0	-	-	-
8	Thùng đựng rác hộ gia đình	980,1	thùng	0,15						980,1	980,1	-	-	-	-	-	-	-
9	Hỗ trợ xây dựng hồ rác gia đình	3.458,2	cái	0,2						218,2	218,2	-	-	3.240,0	3.240,0	-	-	-
10	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp xe thu gom	157,8								157,8	157,8	-	-	-	-	-	-	-
11	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại các cơ quan	81,1	thùng							81,1	81,1	-	-	-	-	-	-	-
13	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại các trường học	246,0	thùng	3						60,0	60,0	-	-	186,0	186,0	-	-	-
14	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại các chợ	85,6	thùng	3						25,6	25,6	-	-	60,0	60,0	-	-	-
15	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại khu vực công cộng	258,0	Thùng	3						-	-	-	-	258,0	258,0	-	-	-
III	KIỂM TRA, GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	1.385,9																
16	Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	1.217,9	thôn/ năm							185,9	185,9	-	-	722,4	722,4	-	-	309,6
17	Hỗ trợ Tổ thu gom của địa phương	168,0	thôn/ năm							168,0	168,0	-	-	-	-	-	-	-

**BẢNG 02A. KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI, GIẢM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Cơ quan, địa phương	Tổng kinh phí 2020 - 2025			Năm 2020 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2021 - 2023 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2024 - 2025		
		Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	TỔNG (A+B)	8.233,10	7.923,50	309,60	10,00	10,00	-	2.311,10	2.311,10	-	5.912,00	5.602,40	309,60
A	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	1.275,82	1.275,82	-	10,00	10,00	-	373,82	373,82	-	892,00	892,00	-
I	Phòng TN&MT	629,82	629,82	-	10,00	10,00	-	250,82	250,82	-	369,00	369,00	-
II	Phòng GD&ĐT	327,00	327,00	-	-	-	-	60,00	60,00	-	267,00	267,00	-
III	Hội LHPN huyện	154,00	154,00	-	-	-	-	28,00	28,00	-	126,00	126,00	-
IV	Huyện đoàn	165,00	165,00	-	-	-	-	35,00	35,00	-	130,00	130,00	-
B	ĐỊA PHƯƠNG	6.957,28	6.647,68	309,60				1.937,28	1.937,28	-	5.020,00	4.710,40	309,60
I	CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN THI ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2023	1.937,28	1.937,28	-				1.937,28	1.937,28	-	-	-	-
1	UBND xã Bình Minh	460,63	460,63	-				460,63	460,63	-			
2	UBND xã Bình Chánh	355,90	355,90	-				355,90	355,90	-			
3	UBND xã Bình Phú	382,49	382,49	-				382,49	382,49	-			
4	UBND thị trấn Hà Lam	738,27	738,27	-				738,27	738,27	-			

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Cơ quan, địa phương	Tổng kinh phí 2020 - 2025			Năm 2020 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2021 - 2023 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2024 - 2025		
		Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
II	CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2024 - 2025	5.020,00	4.471,80	309,60							5.020,00	4.710,40	309,60
II.1	Năm 2024	953,00	548,80	165,60							953,00	787,40	165,60
5	UBND xã Bình Nam	123,00	101,40	21,60							123,00	101,40	21,60
6	UBND xã Bình Giang	83,00	68,60	14,40							83,00	68,60	14,40
7	UBND xã Bình Đào	83,00	68,60	14,40							83,00	68,60	14,40
8	UBND xã Bình Sa	103,00	85,00	18,00							103,00	85,00	18,00
9	UBND xã Bình Dương	86,00	71,60	14,40							86,00	71,60	14,40
10	UBND xã Bình Trung	143,00	117,80	25,20							143,00	117,80	25,20
11	UBND xã Bình Phục	83,00	68,60	14,40							83,00	68,60	14,40
12	UBND xã Bình Tú	163,00	134,20	28,80							163,00	134,20	28,80
13	UBND xã Bình Triều	86,00	71,60	14,40							86,00	71,60	14,40
II.2	Năm 2025	827,00	683,00	144,00							827,00	683,00	144,00
14	UBND xã Bình Quý	126,00	104,40	21,60							126,00	104,40	21,60
15	UBND xã Bình Định Bắc	63,00	52,20	10,80							63,00	52,20	10,80
16	UBND xã Bình An	143,00	117,80	25,20							143,00	117,80	25,20
17	UBND xã Bình Hải	80,00	65,60	14,40							80,00	65,60	14,40
18	UBND xã Bình Quế	83,00	68,60	14,40							83,00	68,60	14,40
19	UBND xã Bình Lãnh	123,00	101,40	21,60							123,00	101,40	21,60
20	UBND xã Bình Định Nam	60,00	49,20	10,80							60,00	49,20	10,80
21	UBND xã Bình Nguyễn	83,00	68,60	14,40							83,00	68,60	14,40
22	UBND xã Bình Trị	66,00	55,20	10,80							66,00	55,20	10,80
II.3.	18 xã thực hiện trong giai đoạn 2024 - 2025 (Hỗ trợ xây dựng hồ rác gia đình)	3.240,00	3.240,00	-							3.240,00	3.240,00	-

**BẢNG 02B. DỰ TOÁN MỨC KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI,
GIẢM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2024 -2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	TỔNG DỰ TOÁN (A+B)		5.912,00				5.912,0	5.602,4	309,6
A	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (I=1+2+3+4)		892,00				892,0	892,0	-
I	PHÒNG TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG	Tập huấn cho lực lượng nòng cốt của huyện và 22 xã, thị trấn	180,00	Lớp	10	18	180,0	180,0	-
		Thiết kế, in, cấp phát tờ rơi phân loại, giảm thiểu rác thải cho hộ gia đình	189,00	Tờ	0,0045	42.000	189,0	189,0	-
		TỔNG 1:	369,00				369,0	369,0	-
II	PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	Thiết kế, in, cấp phát tờ rơi hướng dẫn phân loại, giảm thiểu RT tại nguồn cho trường học	81,00	Tờ	0,0045	18.000	81,0	81,0	-
		Bố trí thùng rác tại các trường học	186,00	Thùng	3	62	186,0	186,0	-
		TỔNG 2:	267,00				267,0	267,0	-
III	HỘI LH PHỤ NỮ HUYỆN	Truyền thông, vận động hội viên đăng ký và tham gia Đề án	126,00	Đợt	7	18	126,0	126,0	-
		TỔNG 3:	126,00				126,0	126,0	-
IV	HUYỆN ĐOÀN	Ngoại khóa cho học sinh (30 trường) tiêu học về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn	130,00	Buổi	5	26	130,0	130,0	-
		TỔNG 4:	130,00				130,0	130,0	-

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
B	UBND CÁC XÃ (I+II+III)		5.020,00				5.020,00	4.710,40	309,60
I	CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI NĂM 2024 (I = 5+6+...+13)		953,00				953,0	787,4	165,6
5	UBND xã Bình Nam	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	30,00	lớp	5	6	30,0	30,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hồ rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	18,00	Thùng	3	6	18,0	18,0	-
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	72,00	thôn/năm	12	6	72,0	50,4	21,6
		TỔNG 5:	123,00				123,0	101,4	21,6
6	UBND xã Bình Giang	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hồ rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	-
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4
		TỔNG 6:	83,00				83,0	68,6	14,4
7	UBND xã Bình Đào	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hồ rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	-
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
		TỔNG 7:	83,00				83,0	68,6	14,4
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	25,00	lớp	5	5	25,0	25,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
8	UBND xã Bình Sa	Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	15,00	Thùng	3	5	15,0	15,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	60,00	thôn/năm	12	5	60,0	42,0	18,0
		TỔNG 8:	103,00				103,0	85,0	18,0
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
9	UBND xã Bình Dương	Bố trí thùng rác tại các chợ	6,00	thùng	3	2	6,0	6,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4
		TỔNG 9:	86,00				86,0	71,6	14,4
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	35,00	lớp	5	7	35,0	35,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
10	UBND xã Bình Trung	Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	21,00	Thùng	3	7	21,0	21,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	84,00	thôn/năm	12	7	84,0	58,8	25,2
		TỔNG 10:	143,00				143,0	117,8	25,2

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
11	UBND xã Bình Phục	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	-
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4
		TỔNG 11:	83,00				83,0	68,6	14,4
12	UBND xã Bình Tú	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	40,00	lớp	5	8	40,0	40,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	24,00	Thùng	3	8	24,0	24,0	-
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	96,00	thôn/năm	12	8	96,0	67,2	28,8
		TỔNG 12:	163,00				163,0	134,2	28,8
13	UBND xã Bình Triều	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	Lớp	5	4	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	6,00	Thùng	3	2	6,0	6,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	-
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4
		TỔNG 13:	86,00				86,0	71,6	14,4

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
II	CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI NĂM 2025 (II=I4+15+...+22)		827,00				827,0	683,0	144,0
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	30,00	lớp	5	6	30,0	30,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
14	UBND xã Bình Quý	Bố trí thùng rác tại các chợ	6,00	thùng	3	2	6,0	6,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	18,00	Thùng	3	6	18,0	18,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	72,00	thôn/năm	12	6	72,0	50,4	21,6
		TỔNG 14:	126,00				126,0	104,4	21,6
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	15,00	lớp	5	3	15,0	15,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
15	UBND xã Bình Định Bắc	Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	9,00	Thùng	3	3	9,0	9,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	36,00	thôn/năm	12	3	36,0	25,2	10,8
		TỔNG 15:	63,00				63,0	52,2	10,8
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	35,00	lớp	5	7	35,0	35,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
16	UBND xã Bình An	Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	21,00	Thùng	3	7	21,0	21,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	84,00	thôn/năm	12	7	84,0	58,8	25,2
		TỔNG 16:	143,00				143,0	117,8	25,2

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025			
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
17	UBND xã Bình Hải	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	-	thùng	3	0	-	-	-
		Bố trí thùng rác tại các chợ	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4
		TỔNG 17:	80,00			4	80,0	65,6	14,4
18	UBND xã Bình Quế	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4
TỔNG 18:	83,00				6	83,0	68,6	14,4	
19	UBND xã Bình Lãnh	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	30,00	lớp	5	6	30,0	30,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương						
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	18,00	Thùng	3	6	18,0	18,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	72,00	thôn/năm	12	6	72,0	50,4	21,6
TỔNG 19:	123,00					123,0	101,4	21,6	

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025				
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
20	UBND xã Bình Định Nam	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	15,00	lớp	5	3	15,0	15,0	-	
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương							
		Bố trí thùng rác tại các chợ	-	thùng	3	0	-	-	-	
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	9,00	Thùng	3	3	9,0	9,0	9,0	
21	UBND xã Bình Nguyên	Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	36,00	thôn/năm	12	3	36,0	25,2	10,8	
		TỔNG 20:	60,00					60,0	49,2	10,8
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	20,0	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương							
22	UBND xã Bình Trị	Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-	
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0	12,0	
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4	
		TỔNG 21:	83,00					83,0	68,6	14,4
22	UBND xã Bình Trị	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	15,00	lớp	5	3	15,0	15,0	-	
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương							
		Bố trí thùng rác tại các chợ	6,00	thùng	3	2	6,0	6,0	6,0	
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	9,00	Thùng	3	3	9,0	9,0	9,0	
III	18 xã thực hiện trong giai đoạn 2024 - 2025	Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	36,00	thôn/năm	12	3	36,0	25,2	10,8	
		TỔNG 22:	66,00					66,0	55,2	10,8
Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình			3.240,00				3.240,0	3.240,0	-	